tóng yàng

同样

Adjective · same

Example Sentences

wǒ men yīng gāi bì miǎn fàn tóng yàng de cuò wù
我 们 应 该避 免 犯 同 样 的错 误。

We should avoid making the same mistakes.

zhè duì luán zǐ jīng cháng chuān tóng yàng de yī fu
这对 孪 子经 常 穿 同 样 的衣服。

This pair of twin children often wear the same clothes.

qǐng bú yào chóng fù tóng yàng de cuò wù
请 不要 重 复同 样 的错 误。

Please don't repeat the same mistake.

Trace each character, then write the word on your own.

同 同 同 同 同 同 同 同 同

样 样 样 样 样 样 样 样 样 样 样
样 样